

TỔNG HỢP CÂN ĐO ĐỢT I (NGÀY 14/09/2023)

TT	Lớp	Số trẻ	Nam	Nữ	Tổng số trẻ được cân đo	%	Cân nặng theo tuổi										Chiều cao theo tuổi							Cân nặng theo chiều cao (từ 61 tháng trở lên tính theo chỉ số BMI)										
							BT	%	SDD nhẹ cân MD vừa	%	SDD nhẹ cân MD nặng	%	Thừa cân MD1	%	Thừa cân MD2	%	BT	%	SDD thấp còi MD vừa	%	SDD thấp còi MD nặng	%	Cao hơn	%	BT	%	SDD gây còi MD vừa	%	SDD gây còi MD nặng	%	Thừa cân	%	Béo phì	%
1	NT	41	23	18	41	100	39	95,2	0	0	1	2,4	1	2,4	0	0	36	87,8	4	9,8	1	2,4	0	0										
2	3C1	27	16	11	27	100	26	97,0	0	0	0	0	1	3	0	0	27	100	0	0	0	0	0	0										
3	3C2	27	17	10	27	100	27	100,0	0	0	0	0	0	0	0	0	24	89	3	11	0	0	0	0										
4	3C3	26	15	11	26	100	26	100,0	0	0	0	0	0	0	0	0	26	100	0	0	0	0	0	0										
5	4B1	36	17	19	36	100	31	86,1	4	11,1	0	0	1	2,8			32	88,9	3	8,3			1	2,8	34	94,4					2	5,6		
6	4B2	35	17	18	35	100	31	88,6	4	11,4	0	0	0	0	0	0	35	100	0	0	0	0	0	0	31	88,6	3	8,6			1	2,8		
7	4B3	36	17	20	36	100	34	94,4	1	2,9	0	0	1	2,9	0	0	35	97,2	1	2,9	0	0	0	0	35	97,2					1	2,9		
8	5A1	39	14	25	39	100	39	100	0	0	0	0	0	0	0	0	39	100	0	0	0	0	0	0	37	95					2	5		
9	5A2	38	17	21	38	100	33	87,0	2	5	0	0	3	7,8	0	0	35	92,1	0	0	0	0	3	7,8	35	92,1	1	2,6	1	2,6	1	2,6		
10	5A3	40	21	19	40	100	32	80,0	3	7,5	0	0	5	12,5	0	0,0	38	95	2	5	0	0	0	0	28	70	2	5			5	12,5	5	12,5
Tổng		345	174	172	345	100	318	92,1	14	4,1	1	0,3	12	3,5	0	0	327	94,8	13	3,8	1	0,3	4	1,1	200	89,3	6	2,7	1	0,4	12	5,4	5	2,2

Kiến An, ngày 20 tháng 09 năm 2023

NGƯỜI TỔNG HỢP



Nguyễn Thị Toàn